



练一练 กิจกรรมทรรษา

1. 为词语选择正确的拼音。จับคู่พินอินกับคำศัพท์

zài bu zài
jiàoshì

bàngōngshì
yùndòngchǎng

lǐtáng
jiàoxuélóu

shítáng
huìyìshì

túshūguǎn



食堂



运动场



教学楼



教室



办公室



图书馆



礼堂



会议室



在不在